TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- GIA LAI,** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số : 04/2025/DS-ST
Ngày: 15 /8/2025
Về việc: "Chia di sản thừa kế .

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- GIA LAI , TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Bích Thủy;
-*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Trần Thị Minh Thâm và bà Nguyễn Thị Thu Hiền.
-*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Linh – Cán bộ Toà án nhân dân Khu vực 2- Gia Lai, tỉnh Gia Lai.
-*Đại diện VKSND Khu vực 2- Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Thùy D – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/ 2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2022, về việc:*"Chia di sản thừa kế".* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đoàn Văn H, sinh năm 1962, Có mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.
Nay thuộc: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Đoàn Văn M, sinh năm 1955, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.
Nay thuộc: Thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai.
Người đại diện hợp pháp của Đoàn Văn M: Phạm Thảo H1, sinh năm 1996- đại diện theo ủy quyền, tại văn bản ủy quyền ngày 09/5/2025, có mặt.
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.
Nay thuộc: Ấp H, xã B, tỉnh An Giang
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đoàn Thị N, sinh năm 1954, có mặt.
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.
Nay thuộc Thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai.
Lê Thị Kim T, sinh năm 1960, có mặt.
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.
Nay thuộc: Thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai.
Người đại diện hợp pháp của Lê Thị Kim T: Phạm Thảo H1, sinh năm 1996; đại diện theo ủy quyền, tại văn bản ủy quyền ngày 09/5/2025, có mặt.
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.
Nay thuộc Ấp H, xã B, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2021, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Đoàn Văn H trình bày: Về quan hệ gia đình: Cha mẹ ông tên là Đoàn T1 (chết 1966) và Lê Thị N1 (chết năm 1981). Cha mẹ ông sinh ra 03 người con là Đoàn Thị N, Đoàn Văn M và Đoàn Văn H, cha mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác. Về di sản cha mẹ ông để lại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 48, dện tích 445,3m^2, tọa lạc Thôn M, xã P, huyện T (nay thuộc thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai), do vợ chồng ông Đoàn Văn M, Lê Thị Kim T quản lý. Cha mẹ ông chết không để lại nghĩa vụ nào phải thanh toán cũng không có di chúc. Nguyên thuỷ lúc đầu ông ở cùng cha mẹ, ông M đi theo bà vợ khác, đến khi cha mẹ mất thì ông vẫn ở đó, lúc đầu ông M về ở cùng bà H2 (người vợ đầu), ở trên nhà tranh của ông để lại, đến lúc bà H2 bỏ đi thì ông M đưa bà T về ở, lúc này ông vẫn ở đó và cất một nhà hiên phía sau để nhà tranh phía trước cho vợ chồng ông M bà T ở, sau đó năm 1991 ông mới dỡ hiên vào trong Thôn P, xã P xây nhà. Đến năm 2002 thì ông M xây nhà, khi đó chị em ông có về nói chuyện thì vợ chồng ông M, bà T thống nhất xây một phần đất, còn một phần đất còn lại giao cho ông, việc thỏa thuận này chỉ nói miệng không có giấy tờ gì. Nay ông H yêu cầu chia di sản của cha mẹ để lại theo pháp luật, trước đây ông có đơn chia tài sản chung của cha mẹ để chia cho con trên cở sở theo pháp luật thừa kế. Tại phiên toà ông H mong muốn nhận đất và theo thoả thuận chia cho ông phần đất có chiều ngang 4,25m chiều dài hết thửa đất gồm 100m^2 đất ở, còn lại đất HNK như bà T và anh H1 thống nhất, để ông thờ cúng cha mẹ. Ngoài ra ông H không khai và không yêu cầu gì khác.

Người đại diện hợp pháp của Đoàn Văn M: Phạm Thảo H1, đại diện theo ủy quyền trình bày: Về quan hệ gia đình như Nguyên đơn trình bày là đúng.Về phần di

sản: Cha mẹ ông M để lại là thửa đất số 78, tờ bản đồ số 48, diện tích 445,3m^2, tọa lạc Thôn M, xã P, huyện T, mà hiện nay ông Đoàn Văn M, bà Lê Thị Kim T đang quản lý là đúng. Khi cha mẹ ông M còn sống thì ông M ở cùng cha mẹ trong ngôi nhà tranh của cha mẹ, sau khi cha mẹ ông M chết ông M vẫn ở trong ngôi nhà tranh trên thửa đất này. Quá trình ở trên thửa đất này thì vợ chồng ông M, bà T đã dỡ nhà tranh của cha mẹ và xây nhà mới vào năm 2002, đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay ông H yêu cầu chia thừa kế phần đất của cha mẹ để lại thì ông M không đồng ý. Ngày 15/5/2025 ông M có yêu cầu áp dụng thời hiệu thừa kế đối với phần di sản của cụ Đoàn T1 và cụ Lê Thị N1 để lại. Tại phiên toà, anh H1 đại diện cho ông M thống nhất thoả thuận chia di sản thừa kế của cụ T1 và cụ N1, là thửa đất số 78 nói trên cho ông Đoàn Văn H 4,25m chiều ngang và chiều dài hết thửa đất giáp phần đất phía đông gồm 100m^2 đất ở, còn lại đất HNK, phần đất còn lại là của vợ chồng ông M. Ngoài ra anh H1 không khai và không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị N trình bày:

Về quan hệ gia đình như Nguyên đơn trình bày là đúng, phần di sản mẹ bà để lại như ông H trình bày là đúng. Nay ông H yêu cầu chia thừa kế thì phần bà được chia thì bà không nhận, giao cho hai em bà là ông H và ông M tự chia. Ngoài ra bà N không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim T có anh Phạm Thảo H1- đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về quan hệ gia đình như Nguyên đơn trình bày là đúng, phần di sản mẹ chồng bà để lại như Nguyên đơn trình bày là đúng. Nhưng cha mẹ chồng để lại nhà đất cho ông M, bà làm dâu chung sống với ông M từ năm 1990 ở trong ngôi nhà tranh, sau đó đến năm 2002 vợ chồng bà T tự xây nhà như hiện nay. Quá trình sử dụng thì vợ chồng bà đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây bà T không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của ông H, nhưng tại phiên toà anh H1 đại diện theo uỷ quyền của bà T và bà T thống nhất thoả thuận chia di sản thừa kế của cụ T1 và cụ N1 cho ông H 4,25m chiều ngang và chiều dài hết thửa đất, giáp phần đất phía đông gồm 100m^2 đất ở, còn lại đất HNK thuộc thửa đất số 78 nêu trên. Ngoài ra bà T không khai và không yêu cầu gì khác.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660, 688 BLDS năm 2015, các Điều 166, 167 Luật Đất đai đề nghị Hội đồng xét xử Ghi nhận sự thoả thuận của nguyên đơn Đoàn văn H và người đại diện hợp pháp của Đoàn Văn M, Lê Thị Kim T là Phạm Thảo H1 và bà Lê Thị Kim T, Đoàn Thị N về chia di sản thừa kế của cụ Đoàn T1, cụ Lê Thị N1 chết để lại; là thửa đất số 78, tờ bản đồ số 48, diện tích thực tế 438,6m^2, tọa lạc Thôn M, xã P, huyện T, các bên thống nhất chia cho ông Đoàn Văn H 4,25m chiều ngang và chiều dài hết thửa đất, giáp phần đất phía đông. Phần còn lại giao cho vợ chồng ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về việc yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất tọa lạc tại Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (nay thuộc Thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai). Căn cứ khoản 5 Điều 26, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Gia Lai.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu chia thừa kế của ông Đoàn Văn H đối với di sản của cha mẹ ông là cụ Đoàn T1 (chết năm 1966) và cụ Lê Thị N1 (chết năm 1981) là Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 48, diện tích 445,3m^2, tọa lạc Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định do ông Đoàn Văn M đang quản lý. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2].1. Về Thời hiệu khởi kiện: Các đương sự đều khai thống nhất cụ Đoàn T1 chết năm 1966 và cụ Lê Thị N1 chết năm 1981. Mặc dù ngày 15/5/2025 ông Đoàn Văn M có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, cho rằng từ khi cha mẹ ông chết cách đây hơn 40 năm thì ông M sử dụng đến năm 1995 đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2011 ông M tiếp tục kê khai đăng ký đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định cũa pháp luật về đất đai lúc bấy giờ để được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng đến hiện tại. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại các bản tự khai và các lời khai của Nguyên đơn và Bị đơn Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên toà đều xác định di sản của cụ Đoàn T1 và cụ Lê Thị N1 còn để lại có 01 căn nhà tranh đến năm 2002 vợ chồng ông M, bà T mới tháo dỡ

ngôi nhà tranh này để xây nhà mới như hiện nay. Đồng thời theo đơn khởi kiện của ông Đoàn Văn H ghi ngày 07/12/2021, mà theo Văn bản giải đáp nghiệp vụ số 01/GĐ-TANDTC, ngày 05/01/2018 của TANDTC thì xác định thời hiệu chia thừa kế đối với những người để lại di sản chết trước năm 1990 thì thời hiệu được xác định bắt đầu từ 10/9/1990, di sản là nhà ở thì thời gian 01/7/1996 đến 01/01/1999 không được tính vào thời hiệu khởi kiện theo Nghị quyết 58/1998/NQ-UBTVQH10, ngày 20/8/1998 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở xác lập trước ngày 01/7/1991. Ngoài ra giai đoạn từ năm 2019 đến 2022 diễn biến xã hội xảy ra dịch bệnh Covid kéo dài, Chính phủ ban hành Chỉ thị 15/CT –TTg, ngày 27/3/2020 và Chỉ thị 16/ CT –TTg, ngày 31/3/2021 của Thủ Tướng Chính Phủ, ngày 30/7/2021, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 14/CT–UBND, với bội dung: Đối với người dân :" *Yêu cầu người dân ở tại nhà, chỉ ra ngoài trong trường hợp cần thiết như mua lương thực, thực phẩm, thuốc men, khám chữa bệnh, các trường hợp khẩn cấp khác*". Như vậy thời gian trên thực hiện việc cách ly, giản cách xã hội một cách nghiêm khắc và gắt gao, do đó ông H không thể thực hiện các quyền của mình, dẫn đến cuối năm 2021 khi Nhà Nước ta nới lỏng tình hình giao tiếp, giãn cách xã hội nên ông H đã thực hiện quyền khởi kiện của mình. Vì những viện dẫn nêu trên, Toà án xác định thời hiệu chia thừa kế của ông H đối với di sản của cụ T1 và cụ N1 vẫn còn thời hiệu. Đồng thời tại phiên toà anh Phạm Thảo Đ là người đại diện hợp pháp của ông M, bà T và bà T thống nhất chia di sản thừa kế của cụ T1 và cụ N1 cho ông H nên Toà ghi nhận sự thoả thuận này.

[2].2. Về hàng thừa kế: Các đương sự đều khai thống nhất về hàng thừa kế di sản của cụ Đoàn T1 và cụ Lê Thị N1, vợ chồng cụ T1 và cụ N1 có 03 người con chung gồm Đoàn Thị N, Đoàn Văn H và Đoàn Văn M, không có con nuôi con riêng nào khác, nên Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 620, Điều 651của BLDS, xác định người thừa kế di sản của cụ T1 và cụ N1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Đoàn Thị N, Đoàn Văn H và Đoàn Văn M. Tuy nhiên bà Đoàn Thị N từ chối nhận di sản của cụ T1 và cụ N1 nên chỉ còn lại ông H và ông M là người thuộc hành thừa kế thứ nhất được chia di sản.

[2].3.Về di sản của cụ Đoàn T1 và cụ Lê Thị N1: Theo Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định cụ T1 và cụ N1 để lại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 48, diện tích 445,3m^2, tọa lạc Thôn M, xã P, huyện T, do vợ chồng ông Đoàn Văn M và Lê Thị Kim T đang quản lý, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn M và Lê Thị Kim T. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với thửa đất trên ông M và bà T khai được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 954580, ngày 28/11/2011dựa trên việc ông M và bà T kê khai, không có căn cứ được hưởng theo pháp luật thừa kế. Phần vợ chồng ông M xây dựng nhà là tài sản riêng của vợ chồng ông M, ông H không tranh chấp. Do đó Toà án xác định thửa đất số 78, tờ bản đồ số 48, có diện tích thực tế là 438,6m^2, tọa lạc Thôn M, xã P, huyện T (nay thuộc Thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai) là di sản của cụ T1 và cụ N1. Cụ T1 và cụ N1 không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ phải thanh toán, các bên đều thờ cúng như nhau. Như vậy di sản trên được chia đều cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 và Cụ N1 là ông H, ông M và bà N. Tuy nhiên bà Đoàn Thị N từ chối nhận di sản, đồng thời giữa ông H, bà T và người đại diện theo uỷ quyền của ông M, bà T là anh Phạm Thảo H1 thống nhất thoả thuận chia một phần di sản trên cho ông H được nhận 4,25m chiều ngang và chiều dài hết thửa đất có diện tích 148,4m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở, 48,4m^2 đất HNK); phần còn lại có diện tích 290,02m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở và 190,02m^2 đất HNK) giao cho vợ chồng ông M, bà T là phù hợp với Điều 660 BLDS nên Toà ghi nhận sự thoả thuận này.

[3]. Về chi phí định giá tài sản: Tổng chi phí định giá tài sản là 7.000.000đ, ông H tự nguyện chịu chi phí này nên Toà ghi nhận sự tự nguyện này. Ông H đã nộp 7.000.000đ tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản xong.

[4] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn H, ông Đoàn Văn M, Lê Thị Kim T đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 12 Nghị Quyết 326/NQ-UBTVQH, miễn án phí cho ông H, ông M, bà T. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông H 300.000đ, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước (nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2- Gia Lai).

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 BLDS năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày

30/12/2016 của UBTVQH Khóa 14, quy định về mức thu, miễm, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1].Ghi nhận sự thoả thuận của ông Đoàn văn H, bà Đoàn Thị N, bà Lê Thị Kim T và anh Phạm Thảo H1 là người đại diện theo uỷ quyền cuả ông Đoàn Văn M và bà Lê Thị Kim T thống nhất chia di sản của cụ Đoàn T1 và cụ Lê Thị N1 là thửa đất số 78, tờ bản đồ số 48, diện tích thực tế là 438,6m^2, tọa lạc Thôn M, xã P, huyện T (nay thuộc Thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai) làm 02 phần cụ thể như sau:

[1].1- Chia di sản thừa kế cho ông Đoàn Văn H được nhận phần đất có chiều ngang hai đầu rộng 4,25m, chiều dài hết thửa đất, có diện tích 148,4m^2,(trong đó 100m^2 đất ở, 48,4m^2 đất HNK), thuộc thửa số 78, tờ bản đồ số 48, tọa lạc Thôn M, xã P, huyện T (nay thuộc Thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai); có giới cận: phía Tây giáp phần đất chia cho ông M (có chiều dài hết thửa đất), phía Đông giáp thửa 65,82, 81, 80 (có chiều dài hết thửa đất), phía Nam giáp đường (có chiều rộng 4,25m), phía Bắc giáp thửa 679 (có chiều rộng 4,25m), có sơ đồ kèm theo. Hiện thửa đất trên do vợ chồng ông M, bà T đang quản lý nên vợ chồng ông M và bà T phải giao cho ông H phần đất đã thoả thuận như trên.

[1].2-Phần đất còn lại chia cho vợ chồng ông Đoàn Văn M và bà Lê Thị Kim T được nhận 290,02 m^2 đất (trong đó 100m^2 đất ở và 190,02m^2 đất HNK), thuộc thửa số 78, tờ bản đồ số 48, tọa lạc Thôn M, xã P, huyện T (nay thuộc Thôn M, xã T, tỉnh Gia Lai); có sơ đồ kèm theo.

[2]. Về chi phí định giá tài sản: Tổng chi phí định giá tài sản là 7.000.000đ, ông H tự nguyện chịu chi phí này nên Toà ghi nhận, ông H đã nộp 7.000.000đ tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản xong.

[3].Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí DSST cho ông H và ông M, bà T . Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông H 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006288, ngày 07/7/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước (nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2- Gia Lai).

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2- Gia Lai ;
- Phòng THADS Khu vực 2- Gia Lai
-Phòng TT-KTNV–THAHS TAND tỉnh Gia Lai ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy